

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày: 02 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hiền và ông Hoàng Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2022/TLST-HS ngày 29- 3 -2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HS ngày 09 - 5 -2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/HSST-QĐ ngày 23-5-2022; đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Th, sinh năm 1991 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi ở: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn C1 và con bà Nguyễn Thị X; có vợ là Ngô Thị H1, sinh năm 1995 và 03 con (con lớn sinh 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-11-2021 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

2. Phạm Khắc T, sinh năm 2002 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi ở: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Khắc L và con bà Nguyễn Thị T1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-11-2021 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

3. Phạm Tiến H, sinh năm 1996 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi ở: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn K (tên gọi khác Phạm Ngọc K) và con bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Lương Thị N1, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-11-2021 đến ngày 14-3-2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

4. Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992 tại xã TH, huyện NG, tỉnh HD; nơi ở: thôn 7, xã TH, huyện NG, tỉnh HD; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và con bà Vũ Thị H2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 90/QĐ ngày 09-3-2012, Công an huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 500.000đ về hành vi đánh nhau. Ngày 16-3-2012 thi hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-11-2021 đến ngày 22-4-2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

Bị hại: anh Vũ Hồng N, sinh năm 1989; trú tại: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

Người làm chứng:

-. Anh Đào Xuân B, sinh năm 2001; trú tại: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

-. Anh Phạm Xuân D, sinh năm 1979; trú tại: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

-. Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 2001; trú tại: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

-. Chị Ngô Thị H1, sinh năm 1995; cư trú: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

-. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995; trú tại: thôn HG, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

-. Anh Vũ Văn Q1, sinh năm 1998; trú tại: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

-. Anh Lê Văn Th1, sinh năm 2000; trú tại: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

-. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; cư trú: thôn VT, xã CV, huyện CG,

tỉnh HD;

-. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; cư trú: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD;

-. Chị Lương Thị N1, sinh năm 1997; thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD;

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, bị hại, người làm chứng chị H1; vắng mặt những người làm chứng còn lại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mâu thuẫn từ trước với anh Hoàng Văn T3; khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11-10-2021, Phạm Khắc T đến nhà Phạm Văn Th kể cho Th nghe việc anh T3 dọa sẽ đập quán Karaoke ở BG, HD của T và Th chung nhau. Th điện thoại ngay cho T3 thì được biết T3 đang ở quán chè “Sang béo” tại thôn Nghĩa An, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng. Th lấy khẩu súng bắn đạn hoa cải mua từ năm 2019 để trong phòng ngủ giấu trong áo khoác rồi bảo T và anh Phạm Anh C (là em ruột Th) đi tìm T3 nói chuyện. T lái xe mô tô của C, BKS 37B2-94636 chở anh C và Th đến quán chè “Sang béo” đối diện cổng làng Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng. Th xuống xe đi vào quán, hỏi “T3 là thằng nào”; nhóm của T3 đang ngồi trong quán gồm: T3, Nguyễn Duy Th2 và Nguyễn Duy V đứng dậy thì Th rút súng trong người ra chĩa vào nhóm anh T3 và bảo *Mày thích phá tao hả*. Sau khi được mọi người can ngăn 2 nhóm ngồi nói chuyện với nhau; cùng lúc thì Vũ Hồng N bạn của T3 đi vào có lời lẽ can ngăn, sau đó cả 2 nhóm cùng ra về. T lại chở Th và C về nhà Th. Đến nhà, Th để khẩu súng hoa cải ở hiên và sử dụng tài khoản facebook “PT” nhắn tin cho anh T3 qua ứng dụng Messenger với nội dung “*Mày thích bắn nhau không, bố mày đang chán đời đây*”. Khi biết nội dung Th nhắn cho T3 thì N dùng tài khoản facebook “NV” nhắn tin, gọi điện và hẹn gặp Th đến nhà hàng “TC” ở xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng để giải quyết mâu thuẫn; Th đến nhà hàng nhưng không gặp ai đã đi về và cất khẩu súng trên nóc tủ quần áo trong phòng ngủ.

Trưa ngày 12-10-2021, trong lúc ngồi ăn cơm tại nhà Th, có T và Phạm Tiến H; Th kể cho mọi người nghe về mâu thuẫn với N trên Facebook. Đến khoảng 12h45’ cùng ngày, khi thấy Th đăng bài viết trên mạng xã hội Facebook về việc mâu thuẫn với N nên Nguyễn Tuấn A nhắn tin cho Th hỏi có chuyện gì thì được Th kể cho nghe về mâu thuẫn giữa Th và N; Tuấn A hẹn sẽ về đi cùng Th tìm N để giải quyết. Sau đó, Th và N tiếp tục nhắn tin, gọi điện thách thức và hẹn gặp nhau tại quán vịt “Vân Tá” ở ngã ba Hoàng Gia, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng để giải quyết. Ăn cơm xong, Th vào phòng ngủ lấy khẩu súng bắn

đạn hoa cải giấu vào trong áo chống nắng rồi điều khiển xe mô tô BKS 37B2-94636 đi tìm N. H và T thấy Th giấu “đồ” trong áo, biết là Th cầm theo súng đi tìm N để giải quyết mâu thuẫn; H lấy thanh kiếm bằng kim loại cạnh tủ giày trong nhà Th đưa cho T rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nagoasi, BKS 34N9-8751 chở T đi theo Th. Đến đoạn đường Đền Bia thôn Hảo Hội lối rẽ vào thôn Hoàng Gia thì Th dừng lại chờ đón Tuấn A cùng đi. Khi đến quán vịt “Vân Tá”, T trả lại thanh kiếm cho H để H một mình vào quán tìm anh N nhưng không thấy. Trên đường quay về, Th gọi cho N thì N nói đang ở khu ao cá nhà bà Hoàng Thị M ở thôn Phú An, xã Cao An và hẹn Th đến đó. Do biết đường nên T đi trước dẫn đường cho cả nhóm đi. Khi đến cổng ao cá nhà bà Mây, thấy anh N đang cầm kiếm và gậy rút kim loại đứng ở lối đi vào nhà (chòi trông ao cá), Thg lấy trong túi quần của mình ra 01 viên đạn, nạp đạn vào súng, chạy trước về phía N; T cầm kiếm đi với H, Tuấn A ở phía sau. Th và N cùng tiến về phía nhau, khi Th cách anh N khoảng 5-6m thì dừng lại, tay trái cầm vào vị trí cò súng, tay phải cầm vào phần ốp gỗ hướng nòng súng xuống dưới về phía anh N bóp cò. Súng nổ, anh N quay người sang bên phải bỏ chạy và bị trúng đạn ở vùng khuỷu gối chân trái rồi ngã xuống ao. Th một tay giữ súng, một tay nhặt gạch ở cạnh đường bờ ao ném khoảng 3- 4 lần về hướng của anh N đang bơi nhưng không trúng. Thấy người ở ao bên cạnh hô hoán, nhóm của Th bỏ đi.

Anh N được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, điều trị từ ngày 12-10-2021 đến ngày 20-10-2021 ra viện. Bị cáo Th đã hỗ trợ tiền thuốc và điều trị cho bị hại 50.000.000đ. Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng) chi phí thuốc, khám chữa bệnh và tổn hại sức khỏe tinh thần. Các bị cáo đề nghị giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12, dài 58,2cm trên thân súng có dòng chữ “STEVENS SAVAGE ARMS CORPORATION CHICOPEE FALLS MASS U.S.A” và 01 vỏ đạn của loại đạn ghém cỡ 12mm.

- 01 thanh kiếm dài 72,5cm, phần lưỡi kiếm bằng kim loại dài 52,5cm, rộng 3,5cm màu trắng xám có một cạnh sắc, phần lưỡi và phần đầu lưỡi kiếm đã được mài không còn sắc nhọn, phần chuôi kiếm làm bằng gỗ dài 20cm được quấn bằng băng dính màu đen kèm theo 01 hộp bao kiếm bằng gỗ dài 63cm được quấn băng dính màu đen (do Phạm Văn Th giao nộp);

- 01 thanh kiếm dài 76cm, phần lưỡi kiếm bằng kim loại dài 61cm, rộng 3,2cm màu trắng xám có một cạnh sắc, đầu kiếm nhọn, phần chuôi kiếm bằng gỗ màu nâu dài 15cm (do Hoàng Văn T3 giao nộp);

- 01 gậy rút dài 60cm phần thân gậy bằng kim loại màu trắng dài 38cm, tay cầm bọc nhựa màu đen dài 22cm;

- 03 mảnh đạn chì màu đen, dạng mặt kim loại kích thước khác nhau;

- 01 xe mô tô Wave alpha BKS 37B2 - 946.36; số khung 3909HY842192, số máy JA39E0822351 và giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị Thương Quý; đã trả lại cho bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ bị cáo Th.

- 01 xe mô tô Nagoasi, BKS 34N9 - 8751 và giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Thị Diệu;

Kết luận giám định pháp y số 308/TgT ngày 16-11-2021, Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hải Dương, kết luận: Vết thương gây vỡ hở lồi cầu ngoài xương đùi trái, vỡ xương bánh chè trái, vỡ mâm chày chân trái, đã mổ xử lý. Hiện tại bó bột đùi căng bàn chân trái, để lại sẹo mổ kích thước trung bình (chưa đánh giá được vận động khớp gối trái). Tổn thương trên có đặc điểm do hỏa khí gây ra, anh N bị người khác dùng súng bắn gây ra là phù hợp. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 29%.

Kết luận giám định pháp y số 61/TgT ngày 24-3-2022, Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hải Dương, kết luận: Vết thương gây vỡ hở lồi cầu ngoài xương đùi trái, vỡ xương bánh chè trái, vỡ mâm chày chân trái (khớp gối), đã mổ xử lý. Hiện còn phương tiện kết hợp lồi cầu ngoài xương đùi trái, để lại sẹo vết thương, mổ kích thước trung bình và nhỏ, ảnh hưởng vận động khớp gối nhiều. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 29%.

Kết luận giám định số 7746/C09-P3 ngày 29-10-2021, Viện khoa học hình sự Bộ công an, kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng bắn đạn ghém cỡ 12, thuộc vũ khí quân dụng, còn sử dụng để bắn được, khi bắn đạn vào cơ thể đến khoảng cách 15m gây chết hoặc bị thương; Vỏ đạn gửi giám định là vỏ của loại đạn ghém cỡ 12, không thuộc vũ khí quân dụng, do khẩu súng gửi giám định trên bắn ra.

Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 28-3-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn Th, Phạm Khắc T, Phạm Tiến H, Nguyễn Tuấn A phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Truy tố Phạm Văn Th phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Truy tố Phạm Khắc T phạm tội “*Không tố giác tội phạm*” quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Ngày 29-3-2022, anh Vũ Hồng N có Đơn yêu cầu giám định lại thương tật vì nghi ngờ kết quả giám định 29% là không khách quan. Ngày 22-4-2022 anh N nhận được thêm 500.000.000đ tiền hỗ trợ điều trị vết thương từ 4 bị cáo; đồng thời có Đơn xin rút yêu cầu giám định và đồng ý thương tật là 29%; xin giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả 4 bị cáo; Đề nghị giải quyết về bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định pháp y số 111/KL - KTHS ngày 27-4-2022, Viện Khoa học hình sự Bộ Công An, kết luận: vết mổ đang liền sẹo mặt ngoài 1/3 dưới đuôi trái đến đầu trên cẳng chân trái, kích thước trung bình: 0,2%; seo vết thương + phẫu thuật mặt trước ngoài 1/3 dưới đuôi trái, gối trái, kích thước trung bình: 0,2%; seo mặt sau ngoài 1/3 trên cẳng chân trái, kích thước nhỏ: 0,1%; chấn thương gối trái gây hạn chế vận động gối trái, tầm vận động từ 0° đến 45°: 26%. Xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Vũ Hồng N tại thời điểm giám định lại là 30%.

Tại phiên tòa:

* Trong phần tranh tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX: tuyên bố Phạm Văn Th, Phạm Khắc T, Phạm Tiến H, Nguyễn Tuấn A phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; Phạm Văn Th phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; Phạm Khắc T phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 42 - 45 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đề nghị xử phạt bị cáo 13 -15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 54-57 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 26-11-2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 390; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Khắc T từ 34-37 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đề nghị xử phạt bị cáo 8-11 tháng tù về Tội không tố giác tội phạm. Tổng hợp cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 42-45 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 26-11-2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 33-36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Tiến H từ 32-35 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Th phải bồi thường cho anh N số tiền 60.030.281đ; bị cáo T, Tuấn A, Hoàng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh N số tiền là: 20.010.093đ. Bị cáo H đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương quản lý: 01 khẩu súng bắn đạn; 01 vỏ đạn.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kiếm dài 76 cm; 01 thanh kiếm dài 72,5cm; 01 vỏ hộp bao kiếm bằng gỗ; 01 gậy rút dài 60cm; 03 mảnh đạn chì màu đen, dạng mặt kim loại. Tịch thu, phát mại súng quỹ nhà nước 01 xe mô tô Nagoasi, BKS 34N9-8751.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Th, T, Tuấn A, Hoàng, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Th phải chịu 3.001.514đ án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Tuấn A và bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 1.000.504đ án phí dân sự sơ thẩm.

* Các bị cáo nhất trí nội dung bản cáo trạng; không có ý kiến tranh luận với luận tội và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát. Các bị cáo đồng ý các khoản tiền bồi thường mà bị hại và các bị cáo đã thống nhất tại phiên tòa.

* Bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho cả 4 bị cáo; về trách nhiệm dân sự: đồng ý các khoản tiền bồi thường mà bị hại và các bị cáo đã thống nhất tại phiên tòa. Anh đã nhận đủ số tiền bồi thường của bị cáo H.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo và lời khai của bị hại tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và lời khai của bị hại (anh N) và những người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với Kết luận giám định pháp y về thương tích số 111/KL - KTHS ngày 27-4-2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công An; vật chứng thu được là khẩu súng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn Th và anh Vũ Hồng N có mâu thuẫn thách thức nhau qua mạng xã hội facebook nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12-10-2021 tại khu ao cá của bà Hoàng Thị Mây thuộc thôn Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Th cùng Phạm Khắc T, Phạm Tiến H và Nguyễn Tuấn A đã sử dụng khẩu súng bắn đạn hoa cải bắn vào phần vùng khuỷu gối chân trái của anh N, hậu quả anh N bị tổn hại sức khỏe 30%. Các bị cáo H, T, Tuấn A đều thừa nhận tiếp nhận ý chí đi cùng để đánh N.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của anh N được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ việc dùng súng bắn vào người khác có thể gây chết hoặc bị thương cho người khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Thương tích của anh N là 30% nhưng do các bị cáo dùng súng được xác định là hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự nên hành vi của các bị cáo Phạm Văn Th, Phạm Khắc T, Phạm Tiến H và Nguyễn Tuấn A đã phạm tội Cố ý gây thương tích với tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Khẩu súng bắn đạn hoa cải Phạm Văn Th cất giữ từ năm 2019 đã được Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận thuộc vũ khí quân dụng; do vậy hành vi cất giữ súng của bị cáo Th đã phạm tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Từ tối ngày 11-10-2021, khi cùng đi từ nhà bị cáo Th đến quán chè Sang Béo, bị cáo T biết rõ bị cáo Th chuẩn bị và mang theo 01 khẩu súng bắn đạn tìm gặp anh T3 để giải quyết, mặc dù có điều kiện báo với cơ quan có thẩm quyền để ngăn chặn kịp thời tránh gây ra các hậu quả, tội phạm xảy ra nhưng bị cáo T cố ý không thực hiện. Do bị cáo T không phải là anh chị em, con cháu ruột của bị cáo Th nên hành vi này của bị cáo Phạm Khắc T đã phạm Tội không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 28-3-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Phạm Văn Th, Phạm Khắc T, Phạm Tiến H và Nguyễn Tuấn A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của anh N mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại xã Cao An, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. Xâm hại đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân thông qua tin nhắn mạng xã hội Facebook giữa bị cáo Th và anh N nhưng bị cáo Th và anh N không tìm cách giải quyết nhẹ nhàng giữa hai người, kéo theo các bị cáo khác cùng gây thiệt hại về sức khỏe cho anh N. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên cần đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau: bị cáo Th là người khởi xướng và trực tiếp cầm súng bắn gây thương tích cho anh N nên giữ vai trò chính. Các bị cáo T, H, Tuấn A được nghe bị cáo Th kể, biết bị cáo Th cầm súng đi gặp anh N giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn thiện chí đi cùng, còn mang theo kiếm hỗ trợ giúp sức cho bị cáo Th đánh anh N nên các bị cáo giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có tiền án, tiền sự; 3 bị cáo Th, H và T là những người có nhân thân tốt. Riêng bị cáo Tuấn A đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau vào năm 2012. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; cả 4 bị cáo đã tự nguyện khắc phục 550.000.000đ hỗ trợ điều trị vết thương cho bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do vậy cả 04 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H có xác nhận ủng hộ phòng chống dịch bệnh covid nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H, Tuấn A có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không phải chịu tình tiết tăng nặng; không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo H và Tuấn A khỏi xã hội mà cho hai bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Th và T phạm 2 tội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự, các bị cáo gây thương tích cho anh N nên phải có trách nhiệm bồi thường.

Tại phiên tòa các bị cáo và anh N đều xác định số tiền 550.000.000đ là tiền các bị cáo hỗ trợ anh N trong việc điều trị vết thương. Do vết thương của anh N đã phải mổ xử lý nhiều lần, đi nhiều viện nên anh N vẫn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, các bị cáo nhất trí.

Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự và mục I tiêu mục 3.1 và mục II tiêu mục 1.2; 1.3; 1.5 Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe sau khi ra viện, thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại, chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần (mức tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định).

Theo biên bản xác minh, UBND xã Cẩm Vũ cung cấp thông tin: thu thập bình quân đầu người năm 2021 tại xã Cẩm Vũ là 59,13 triệu đồng/người/năm.

Tại phiên tòa anh N không giao nộp thêm giấy tờ, tài liệu. Xét các tài liệu, hóa đơn bán hàng do anh N giao nộp, HĐXX chấp nhận thời gian anh N đi viện và nằm điều trị kịp thời vết thương: nhập viện vào 13 giờ 30' ngày 12-10-2021; ra viện ngày 20-10-2021; tình trạng lúc ra viện ổn định; thời gian điều trị 08 ngày.

1. Các chi phí điều trị theo hóa đơn hợp lệ gồm (Bảng kê chi phí nội trú 08 ngày tại Đa khoa Hải Dương: 10.645.823đ; Hóa đơn thanh toán ngày 13-10-2021 của nhà thuốc bệnh viện: 184.000đ; Hóa đơn bán hàng ngày 18-10-2021 của nhà thuốc bệnh viện: 632.000đ; Phiếu thu tiền khám chữa bệnh tại Việt Đức ngày 01-11-2021: 2.800.000đ; Hóa đơn bán hàng khám bệnh chẩn đoán hình ảnh tại Việt Đức ngày 09-3-2022: 1.484.700đ; Mua thuốc theo đơn của bác sỹ Việt Đức ngày 21-3-2022: 674.000đ; Phiếu thanh toán mua thuốc theo đơn của bác sỹ Việt Đức ngày 21-3-2022: 900.000đ; Phiếu thu của trung tâm pháp y Hải Dương chụp XQ khớp gối ngày 21-3-2022; 80.000đ; Phiếu thu của trung tâm pháp y Hải Dương khám đánh giá chức năng vận động ngày 21-3-2022; 160.000đ). Tổng là 17.560.563đ.

2. Tiền xe đi viện ngày 12-10-2021 và ra viện ngày 20-10-2021 (mỗi chiều 300.000đ): 600.000đ. Đi về trong ngày bệnh viện Việt Đức (01-11-2021; 09-3-2022; 21-3-2022): 4.500.000đ. Tổng tiền xe là 5.100.000đ

3. Tổn thất tinh thần 30% tương đương 20 tháng x 1.490.000đ/tháng = 29.800.000đ.

4. Xem xét khoản tiền mất thu nhập của bị hại trong thời gian nằm viện 08 ngày: anh N giao nộp Danh sách công nhân làm việc tại nhà máy thức ăn chăn nuôi cổ phần Việt Nam chi nhánh Hải Dương để chứng minh anh là công nhân của Công ty TNHH ĐTPT Chiến Thắng và yêu cầu 15.000.000đ/tháng tính từ ngày 12-10-2021 đến ngày xét xử. HĐXX thấy rằng: việc xác nhận anh N có phải là công nhân của Công ty Chiến Thắng hay không, không chỉ căn cứ vào bản Danh sách anh N giao nộp mà giữa anh N và Công ty Chiến Thắng phải có Hợp đồng lao động mới đảm bảo sự ổn định công việc và thỏa thuận rõ mức lương hàng tháng Công ty Chiến Thắng phải trả cho anh N. Tuy nhiên giữa anh N và Công ty Chiến Thắng lại không có hợp đồng lao động nên việc anh N đưa ra con số yêu cầu bồi thường 15.000.000đ/tháng tính từ ngày 12-10-2021 đến ngày xét xử là không có căn cứ. Sau khi tham khảo văn bản do UBND xã Cẩm Vũ cung cấp, mức thu nhập bình quân của một người lao động phổ thông là 59.13 triệu đồng/năm/người là thấp. HĐXX chấp nhận tính ngày công lao động phổ thông là 200.000đ/người/ngày; như vậy tiền mất thu nhập 08 ngày nằm viện của anh N là 1.600.000đ.

Kể từ ngày 21-10-2021 ra viện, anh N vẫn cần hỗ trợ của lạng để đi lại nên chưa thể đi làm. HĐXX chấp nhận tính tiền mất thu nhập của anh N đến ngày xét xử 02-6-2022 là 222 ngày x 200.000đ/ngày = 44.400.000đ.

Tổng tiền mất thu nhập tính đến ngày xét xử (02-6-2022) là 46.000.000đ.

5. Trong thời gian anh N nằm viện, anh Vũ Hồng T4 (em trai anh N) chăm sóc. Tương tự như trường hợp của anh N; không có căn cứ chứng minh thu nhập của người chăm sóc là 15.000.000đ/tháng nên HĐXX áp dụng mức thu nhập bình quân của một người lao động phổ thông là 200.000đ/ngày/người. Vậy tiền mất thu nhập thực tế của người chăm sóc 08 ngày là 1.600.000đ.

6. Theo bệnh án và giấy ra viện, tình trạng sức khỏe của bị hại khi ra viện là ổn định; tuy nhiên thực tế sau khi ra viện vết thương vẫn còn dịch nên anh N đã đi lại khám chữa theo yêu cầu tại bệnh viện Việt Đức, các hóa đơn đã được HĐXX chấp nhận; tiền bồi dưỡng sức khỏe (1 lần) sau khi ra viện là 20.000.000đ.

Tổng các khoản chi phí theo quy định của pháp luật bốn bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh N là 120.060.563đ. Căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để chia trách nhiệm bồi thường: bị cáo Th giữ vai trò chính trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm 50% tương đương nghĩa vụ bồi thường cho anh

N là 60.032.281đ. Các bị cáo T, H và Tuấn A, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh N là 20.010.093đ. Tại phiên tòa anh N xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường của bị cáo H nên nghĩa vụ bồi thường của bị cáo H đã xong.

[7] Nghĩa vụ hoàn trả: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của bị cáo Th, bị cáo H giao nộp giấy biên nhận thể hiện hai bà đã giao tiền hỗ trợ điều trị cho anh N; Tòa án đã triệu tập hai bà tham gia phiên tòa sơ thẩm với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hai bà đều không yêu cầu giải quyết đối với số tiền các bà đã thay bị cáo hỗ trợ điều trị vết thương cho bị hại; hai bị cáo nhất trí đề gia đình tự giải quyết với nhau nên HĐXX không đặt ra xem xét. HĐXX xác định tư cách của hai bà là người làm chứng trong vụ án.

[8] Về vật chứng:

- 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12, dài 58,2cm trên thân súng có dòng chữ “STEVENS SAVAGE ARMS CORPORATION CHICOPEE FALLS MASS U.S.A” được xác định là vũ khí quân dụng và 01 vỏ đạn của loại đạn ghém cỡ 12mm hiện đang gửi tại kho K153 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương; do vậy cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương xử lý theo thẩm quyền.

- 01 thanh kiếm dài 72,5cm; lưỡi kiếm kim loại, chuôi kiếm gỗ được quấn bằng băng dính màu đen kèm theo hộp bao kiếm bằng gỗ được quấn băng dính màu đen do bị cáo Th giao nộp; 01 thanh kiếm dài 76cm, lưỡi kiếm kim loại, chuôi kiếm bằng gỗ và 01 gậy rút dài 60cm phần thân gậy kim loại màu trắng, tay cầm bọc nhựa màu đen do anh T3 giao nộp; 03 mảnh đạn chì màu đen đều là hung khí liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; HĐXX tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô Wave alpha BKS 37B2 - 946.36, số khung 3909HY842192, số máy JA39E0822351; giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị Thương Quý. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị X; bà X không biết không liên quan gì với hành vi của bị cáo Th. Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại chiếc xe và giấy đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị X là phù hợp.

- 01 xe mô tô Nagoasi, BKS 34N9 - 8751 và giấy đăng ký mô tô mang tên Hoàng Thị Dịu. Bị cáo khai mua được hơn 1 năm của người không quen biết, không có giấy tờ; Quá trình điều tra bị cáo và chị N1 (vợ bị cáo) đều xác nhận là tài sản riêng của bị cáo; bị cáo sử dụng xe chở T đi đánh anh N, cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về các vấn đề khác:

Từ ngày 11-10-2021, anh Công đã biết bị cáo Th cất giữ khẩu súng bắn đạn hoa cải có thể gây thương tích cho người khác nhưng không trình báo với Cơ quan có thẩm quyền. Do anh C là em trai bị cáo Th; căn cứ khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự, anh Công không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi không tố giác tội phạm.

Chị Ngô Thị H1 là vợ bị cáo Th, không biết việc chồng cất giữ súng, đạn tại nơi ở nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể người bán khẩu súng, đạn thuộc vũ khí quân dụng cho bị cáo Th nên không phải giải quyết.

Tối ngày 11-10-2021, tại quán chè Sang béo, anh Hoàng Văn T3, Nguyễn Duy Th2, Nguyễn Duy V và Vũ Hồng N có nhìn thấy bị cáo Th cầm vật gì giống súng nhưng các anh không biết chính xác là gì nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về việc không tố giác tội phạm.

Đối với hành vi cất giấu thanh kiếm tại nhà của anh Hoàng Văn T3 đã vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP. Hành vi sử dụng thanh kiếm ngày 12-10-2021 của anh Vũ Hồng N đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP. Các hành vi này đều xảy ra tại địa bàn huyện Cẩm Giàng; căn cứ Điều 63 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 66, 67 Nghị định 167/2013/NĐ-CP và Điều 81 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31-12-2021 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, Công an huyện Cẩm Giàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng về thẩm quyền.

[10]Về án phí: các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th, bị cáo Phạm Khắc T, bị cáo Phạm Tiến H và bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm Tội Cố ý gây thương tích.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Tuyên bố bị cáo Phạm Khắc T phạm Tội không tố giác tội phạm

- **Căn cứ** áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (người bị hại xin giảm nhẹ) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù về Tội cố ý gây thương tích và 13 (*mười ba*) tháng tù về Tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 55 (*năm mươi lăm*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 26-11-2021.

- **Căn cứ** áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 390; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (người bị hại xin giảm nhẹ) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Khắc T 34 (*ba mươi tư*) tháng tù về Tội cố ý gây thương tích và 07 (*bảy*) tháng tù về Tội không tố giác tội phạm; tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 41 (*bốn mươi mốt*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 26-11-2021.

- **Căn cứ** áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (người bị hại xin giảm nhẹ) Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với 2 bị cáo Phạm Tiến H và Nguyễn Tuấn A. Riêng bị cáo H thêm tình tiết giảm nhẹ ủng hộ phòng chống covid theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Tiến H 32 (*ba mươi hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60(*sáu mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Tiến H cho UBND xã CV, huyện CG, tỉnh Hải Dương; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Hoàng thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 29 (*hai mươi chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 58(*năm mươi tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A cho UBND xã TH, huyện NG, tỉnh Hải Dương; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách,

nếu bị cáo Tuấn A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Tuấn A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự.

Các bị cáo Phạm Văn Th, Phạm Khắc T, Phạm Tiến H và Nguyễn Tuấn A có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Vũ Hồng N, sinh năm 1989; trú tại: thôn PL, xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương số tiền 120.060.563đ bao gồm các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm của mỗi bị cáo như sau: bị cáo Phạm Văn Th bồi thường 60.032.281đ; bị cáo Phạm Khắc T, Nguyễn Tuấn A và Phạm Tiến H, mỗi bị cáo bồi thường 20.010.093đ. Riêng bị cáo H đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Th, T và Tuấn A không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương xử lý theo thẩm quyền 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12, dài 58,2cm trên thân súng có dòng chữ “STEVENS SAVAGE ARMS CORPORATION CHICOPEE FALLS MASS U.S.A” và 01 vỏ đạn của loại đạn ghém cỡ 12mm hiện đang gửi tại kho K153 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm dài 72,5cm, lưỡi kiếm kim loại, kèm theo 01 hộp bao kiếm bằng gỗ; 01 thanh kiếm dài 76cm, lưỡi kiếm kim loại; 01 gậy rút dài 60cm phần thân gậy kim loại màu trắng; 03 mảnh đạn chì màu đen được đóng trong phong bì niêm phong dán kín.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gia trị 01 xe mô tô Nagoasi, BKS 34N9 - 8751; số máy FMGP002754; số khung M8X002754 (kèm chìa khóa và giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Thị Diệu).

(Đặc điểm các vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-4-2022 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng).

Về án phí: Căn cứ áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo Th, T, Tuấn A, H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự. Bị cáo Th phải chịu 3.000.000đ án phí dân sự (đã làm tròn); bị cáo T và Tuấn A, mỗi bị cáo phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự (đã làm tròn).

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan CSĐT Công an H Cẩm Giàng ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan THAHS Công an H Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)